

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 61/2020/DS-GĐT

Ngày: 13/3/2020

*V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Cường;

Ông Nguyễn Hữu Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Nguyên – Thẩm tra viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm để xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn N, sinh năm 1958;

1.2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Tổ 7 ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976

2.2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.2. Ông Ngô Văn T, sinh năm 1932 (chết năm 2015);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:

- Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1944;

- Ông Ngô Văn V, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Tổ 4 ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Ông Ngô Văn D, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

3.3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1944

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.4. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1930;

3.5. Bà Ngô Thị B, sinh năm 1940;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị C trình bày: Năm 2008, ông, bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Văn Q, bà Ngô Thị B, diện tích 7.331,5m² thuộc thửa đất số 92 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp Phước Hội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P797513 ngày 16/8/2000 cho ông Q (diện tích được cấp là 11.200m², sau khi chỉnh lý còn lại diện tích 7.331,5m² tương ứng thửa mới là 829). Hợp đồng chuyển nhượng được Ủy ban nhân dân xã Phước Lợi chứng thực số 252 quyền số 01/2008TP/CC-SCT/HĐGD ngày 05/12/2008 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 427645 ngày 11/02/2009 cho ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị C. Khi cắm mốc giao đất được cơ quan chuyên môn và địa phương chứng kiến, do tin tưởng cơ quan chuyên môn và nghĩ rằng đã cắm mốc đúng ranh giới đất nhận chuyển nhượng cho đến khi ông Nguyễn Văn N nhận chuyển nhượng đất của ông T giáp ranh đất của ông N thì ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị C mới biết việc cắm mốc ranh đất chưa đúng diện tích đất nhận chuyển nhượng. Ông Nguyễn Văn N, bà P nhận chuyển nhượng đất của ông T vào năm 2010, thuộc thửa 93 (tách mới là thửa 835) tờ bản đồ số 15 có đo vẽ, cắm mốc ranh đất nhưng không sử dụng mà lại bao chiếm diện tích 1.906,6m² thuộc thửa 829 của ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị C. Ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị C yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà P phải giao trả lại diện tích 1.906,6m² đất lại cho ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị C.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P trình bày: Năm 2010, ông, bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T, bà C1 diện tích 4.000m² đất thuộc một phần thửa 93 (tương ứng thửa mới là 835) tờ bản đồ số 15 tại xã Phước Hội, hợp đồng chuyển nhượng được Văn phòng công chứng Lam Sơn ký công chứng số 2126 quyền số 01Tp/CC-SCT/HĐGD ngày 14/8/2010 và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 831225 cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị. Sau khi nhận chuyển nhượng ông, bà đã cắm mốc và dựng hàng

rào lưới B40 sử dụng ổn định cho đến nay, không lấn chiếm đất của ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị C nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Thực tế sử dụng đất, ông, bà đang sử dụng một phần thửa đất số 829, diện tích $1.906,6m^2$ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn N do ông T giao. Ngày 10/5/2017, ông, bà có đơn yêu cầu độc lập với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn N thì người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T phải giao $1.949,7m^2$ còn lại thuộc thửa 835 đúng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đối với tài sản trên đất tranh chấp, ông, bà tự tháo dỡ, không yêu cầu bồi thường. Ngày 01/12/2017, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P xin rút yêu cầu độc lập do ông V đã có yêu cầu độc lập đối với ông Nguyễn N về phần diện tích đất mà ông Nguyễn N tranh chấp. Nếu yêu cầu của ông V được chấp nhận thì ông V làm thủ tục chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn V (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T) trình bày: Nguồn gốc phần diện tích $1.906,6m^2$ đất tranh chấp thuộc thửa 829 tờ bản đồ số 15 nêu trên là của ông T, ông T là anh vợ của ông Q, hai người có khai khẩn đất giáp ranh, liền kề nhau, ông T sử dụng thửa đất số 93 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/7/2001, ông Q sử dụng thửa đất số 92 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/8/2000. Quá trình khai khẩn, sử dụng đất hai bên có ranh giới rõ ràng từ trước đến nay không thay đổi. Trong phần đất ông T có con đường mòn tự mở đi xuống ruộng, khi lập bản đồ địa chính cơ quan chuyên môn lấy con đường mòn làm ranh, từ đó một phần diện tích đất của ông T bị nhập vào thửa 92 của ông Q. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Q không đúng mốc giới thực tế sử dụng đất, có một phần diện tích $1.906,6m^2$ đất của ông T. Năm 2008, ông Q chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại cho ông Nguyễn N, ông Nguyễn N nhận đất theo hiện trạng sử dụng mà không có ý kiến gì về sự chênh lệch diện tích đất theo giấy và thực tế sử dụng, chấp nhận mốc giới sử dụng đất theo ranh thực tế mà ông Q giao. Năm 2010, ông Nguyễn Văn N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T, giáp ranh đất của ông Nguyễn N nhận chuyển nhượng đất của ông Quận, việc giao đất cho ông Nguyễn Văn N xác định ranh đất giữa hai bên có ông Nguyễn N chứng kiến, ông Nguyễn N không có ý kiến gì về ranh đất giữa hai bên. Năm 2014, ông Nguyễn N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N trả diện tích đất tranh chấp nêu trên. Ông V, bà C1, ông D có yêu cầu độc lập đối với ông Nguyễn N, bà C như sau: yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích $1.906,6m^2$ một phần diện tích của thửa đất số 829 (93) tờ bản đồ số 15 tại xã Phước Hội mà ông Nguyễn N tranh chấp và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số An 427645 ngày 11/02/2009 đã cấp cho ông Nguyễn N, bà C đối với diện tích đất nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Năm 2009, ông Nguyễn N nhận chuyển nhượng $7.331,5m^2$ từ ông Q nhưng thực tế chỉ quản lý, sử dụng diện tích $5.402,1m^2$, hai bên đất có ranh rào ổn định. Năm 2010, ông Nguyễn Văn N nhận chuyển nhượng $4.000m^2$ đất của ông T, giáp ranh đất với ông Nguyễn N, thực tế ông Nguyễn Văn N quản lý, sử dụng diện tích $1.906,6m^2$

thuộc thửa 829 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn N. Khi tiến hành đo đạc thực tế đã phát hiện ranh giới thực tế có chênh lệch so với ranh giới pháp lý, chưa kịp thời xử lý là có sai sót.

Ông Trần Văn Q, bà Ngô Thị B trình bày: Ông T là anh ruột của bà B. Trước đây, gia đình ông Q và ông T có khản chung một số diện tích đất, do sức khỏe của ông Q yếu nên diện tích đất khai phá ít hơn ông T. Anh em đã tự phân chia đất ra thành hai thửa riêng biệt, đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có tranh chấp. Năm 2008, ông Q chuyển nhượng toàn bộ diện tích 7.331,5m² cho ông Nguyễn N với giá 350.000.000 đồng, việc chuyển nhượng đã thực hiện xong. Năm 2009, ông Nguyễn N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn N không có tranh chấp gì, đến năm 2014, ông Nguyễn N kiện ông tại Ủy ban nhân dân xã với lý do thiếu diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Ủy ban xã ông Q xác định bán nguyên thửa và nguyên sổ, đất có bao nhiêu đã giao hết cho ông Nguyễn N, không còn đất để giao thêm, nếu không mua thì trả lại đất cho ông và ông sẽ trả lại tiền nhưng ông Nguyễn N không đồng ý. Hiện trạng sử dụng đất đúng ranh giới từ trước đến nay, không thay đổi, ông Nguyễn Văn N không lấn đất của ông Nguyễn N, con đường đi nằm trong đất của ông T không phải ranh giới đất giữa hai bên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 19/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Pc giao trả lại quyền sử dụng diện tích 1.906,6m² thuộc một phần thửa đất 829 tờ bản đồ số 15 tại xã Phước Hội theo Sơ đồ vị trí tỷ lệ 1/2000 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ lập ngày 10/8/2017 (có xác định tứ cận). Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N, bà C số AN 427645 vào sổ cấp giấy số H 01777 ngày 11/02/2009.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C1; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Văn T là bà Nguyễn Thị C1, ông Ngô Văn V, ông Ngô Văn D, công nhận cho bà C1, ông V, ông D được quyền sử dụng diện tích 1.906,6m² thuộc một phần thửa 829 tờ bản đồ số 15 tại xã Phước Hội. Bà C1, ông V, ông D có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan chuyên môn để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N, bà Ch theo hướng giảm diện tích 1.906,6m² thuộc một phần thửa 829 tờ bản đồ số 15 tại xã Phước Hội.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về chi phí đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25/9/2018, ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị C có kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 40/2019/DS-PT ngày 25/4/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P giao trả lại quyền sử dụng đất do sử dụng chồng lấn có diện tích 1.906,6m² là một phần thửa 829 tờ bản số 15 tại xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ.

Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ giao trả lại quyền sử dụng diện tích 1.906,6m² là một phần thửa 829 tờ bản số 15 tại xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ do sử dụng chồng lấn theo Sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đất Đỏ lập ngày 01/8/2017, đất tại lô 2, có tứ cận theo tọa độ số 8-9-10-11-12-57-58-59-8 (riêng diện tích đất 62,7m² thuộc đường giao thông thể hiện tại điểm G-E-57-58-59-E là chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N, bà C). Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 427645 ngày 11/02/2009 cho ông N, bà C.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Văn T là bà Nguyễn Thị C1, ông Ngô Văn V, ông Ngô Văn D về việc công nhận cho bà C1, ông V, ông D được quyền sử dụng diện tích 1.906,6m² thuộc một phần thửa 829 tờ bản đồ số 15 tại xã Phước Hội.

Không chấp nhận yêu cầu của bà C1, ông V, ông D về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 427645 vào sổ cấp giấy số H 01777 ngày 11/02/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho ông N, bà C.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định về xử lý tài sản là vật kiến trúc và cây trồng trên đất tranh chấp, chi phí đo đạc, thẩm định giá và án phí.

Ngày 28/5/2019, ông Ngô Văn V có đơn đề nghị xem xét bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 21/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 19/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 19/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Diện tích 1.906,6m² đất tranh chấp thuộc thửa 829 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số An 427645 cho ông Nguyễn N và bà Nguyễn Thị C ngày 11/02/2009.

[2] Nguồn gốc đất của ông N, bà C và của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị P là do nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Q và ông Ngô Văn T, ranh giới đất của ông Q và ông T từ trước đến khi chuyển nhượng được các bên phân định rõ ràng, không phát sinh tranh chấp. Sau khi ông Q chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn N, bà C và ông T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N, bà P thì ranh đất giữa các bên không thay đổi. Theo Công văn số 7220/UBND-PTNMT ngày 23/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đ thể hiện: Năm 2008, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đất Đỏ tiến hành đo đạc theo yêu cầu của ông Q để tách thửa chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn N, thì diện tích thực tế tại thửa 92 tách thành thửa 829 là 7.331,5m², trong khi ông Nguyễn N thực tế chỉ sử dụng 5.402,1m², việc sử dụng đất có ranh giới ổn định. Ngày 14/8/2010, ông T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N, bà P diện tích 4.000m², tách từ thửa 93 thành thửa 835 nhưng thực tế ông Nguyễn Văn N, bà P sử dụng diện tích 4.290,5m² (bao gồm diện tích đất tranh chấp). Khi tiến hành đo đạc đã phát hiện ranh đất mà các bên đương sự kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng với ranh thực tế sử dụng nhưng không kịp thời báo cáo để xử lý là có sai sót.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, ông Q và ông T xác định ranh đất hiện nay là hàng rào lưới B40 đã tồn tại ổn định từ trước khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn N và ông Nguyễn Văn N, ông Q có ký vào biên bản xác định ranh giới giữa hai bên và không có tranh chấp; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q đối với thửa 92 có sai sót, không đúng ranh đất thực tế sử dụng. Tại Biên bản làm việc ngày 05/11/2014, ngày 05/3/2015, Biên bản hòa giải ngày 12/12/2014, các bên đương sự đều thống nhất xác định việc sử dụng đất đúng theo hiện trạng và sự chỉ ranh của ông Q và ông T. Như vậy, ranh giới đất giữa ông Nguyễn N, bà C và ông Nguyễn Văn N, bà được xác lập từ thời ông Q và ông T đến nay được các bên đương sự sử dụng ổn định, không thay đổi hiện trạng và không tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[4] Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn N, bà C là có sai sót về ranh đất, không đúng theo hiện trạng thực tế sử dụng đất nhưng Tòa án cấp phúc thẩm lại căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn N, bà C để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 và Điều 349 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Kháng nghị số 21/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 19/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 40/2019/DS-PT ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số

15/2018/DS-ST ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về vụ án "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" giữa nguyên đơn là ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị C với bị đơn là ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bà Nguyễn Thị C, ông Ngô Văn T (đã chết) ông Trần Văn Q và bà Ngô Thị B.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Tp.HCM (để b/c);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (kèm hs);
- TAND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP-VP, HS; THS (LSN).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hồng Phong